

*Chương IV***TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 32. Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tổ chức hệ thống Thanh tra giao thông đường sắt để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ công trình giao thông và an toàn vận tải đường sắt theo pháp luật hiện hành.

Điều 33. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông công chính, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm phổ biến và tổ chức thực hiện Quy định này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Giao thông vận tải để xem xét bổ sung, sửa đổi.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

ĐÀO ĐÌNH BÌNH

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 76/2003/QĐ-BTC ngày 28/5/2003 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 05/11/2002

của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 174/2002/QĐ-TTg ngày 02/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2181/VPCP-ĐMDN ngày 07/5/2003 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Ủy quyền cho Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp quản lý và điều hành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 95/2000/QĐ-BTC ngày 09/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị

các Tổng công ty nhà nước, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước, cơ quan quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

QUY CHẾ quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 76/2003/QĐ-BTC ngày 28/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi tắt là Quỹ sắp xếp doanh nghiệp) được thành lập để hỗ trợ giải quyết chế độ cho người lao động và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình sắp xếp lại và chuyển đổi sở hữu theo quy định tại Quyết định số 174/2002/QĐ-TTg ngày 02/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (dưới đây viết tắt là Quyết định số 174/2002/QĐ-TTg).

Điều 2. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp được thành lập ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là địa phương) và các Tổng công ty thành lập theo

Quyết định số 90/TTg và Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Tổng công ty nhà nước), cụ thể:

1. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương được tập trung tại một tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý để hỗ trợ cho hoạt động sắp xếp, chuyển đổi của các doanh nghiệp trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp địa phương được tập trung tại một tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý để hỗ trợ cho hoạt động sắp xếp, chuyển đổi của các doanh nghiệp thuộc địa phương.

3. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp của các Tổng công ty nhà nước được tập trung tại một tài khoản riêng của Tổng công ty mở tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước nơi Tổng công ty đặt trụ sở chính do Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (đối với trường hợp Tổng công ty không có Hội đồng quản trị) Tổng công ty quản lý.

Điều 3. Cơ quan quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp (được hiểu là Bộ Tài chính đối với Quỹ sắp xếp doanh nghiệp trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đối với Quỹ sắp xếp doanh nghiệp địa phương; Hội đồng quản trị đối với Quỹ sắp xếp doanh nghiệp của các Tổng công ty nhà nước) có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn Quỹ đúng theo quy định của Quyết định số 174/2002/QĐ-TTg và Quy chế này; chịu sự kiểm tra, giám sát, điều hòa của Bộ Tài chính.

II. NGUỒN QUỸ

Điều 4. Nguồn hình thành Quỹ sắp xếp doanh nghiệp ở các cấp được xác định như sau:

1. Nguồn của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp trung ương bao gồm:

a) Các khoản thu từ hoạt động sắp xếp và chuyển đổi sở hữu toàn bộ doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp nhà nước độc lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Bao gồm cả tiền thu từ hoạt động sắp xếp và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp thành viên của các Tổng công ty được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ, phát sinh trước ngày Nghị định số 64/2002/NĐ-CP có hiệu lực.

b) Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Chính phủ và các Bộ, ngành để thực hiện sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

c) Ngân sách trung ương cấp theo kế hoạch hàng năm (nếu có).

2. Nguồn của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp địa phương bao gồm:

a) Các khoản thu từ hoạt động sắp xếp và chuyển đổi sở hữu toàn bộ doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp nhà nước độc lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bao gồm cả tiền thu từ hoạt động sắp xếp và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp thành viên của các Tổng công ty được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ, phát sinh trước ngày Nghị định số 64/2002/NĐ-CP có hiệu lực.

b) Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho địa phương để thực hiện sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

c) Ngân sách địa phương cấp theo kế hoạch hàng năm (nếu có).

3. Nguồn của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp Tổng công ty nhà nước bao gồm:

a) Các khoản thu từ hoạt động sắp xếp và chuyển đổi sở hữu toàn bộ doanh nghiệp thành viên hoặc đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng công ty nhà nước.

b) Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các Tổng công ty để thực hiện sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Điều 5. Các khoản thu của Nhà nước khi thực hiện sắp xếp và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước được nộp về Quỹ bao gồm:

1. Tiền thu từ bán phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa (bao gồm cả chênh lệch do bán đấu giá cổ phần thuộc vốn nhà nước) sau khi trừ chi phí cổ phần hóa được duyệt.

2. Tiền thu từ hoạt động giao, bán doanh nghiệp sau khi trừ chi phí phục vụ cho việc chuyển đổi sở hữu.

3. Tiền thu từ bán tài sản không cần dùng, tài sản thanh lý, tiền thu được từ công nợ khó đòi được loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu sau khi trừ chi phí cho việc nhượng bán và tổ chức thu hồi công nợ (nếu có).

4. Tiền thu từ nhượng bán thanh lý tài sản khi doanh nghiệp nhà nước bị giải thể và phá sản sau khi thanh toán hết nợ cho chủ nợ theo quy định của pháp luật (nếu còn).

5. Lợi tức được chia, cổ tức và các khoản thu do bán bớt phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp khác (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn...) như quy định tại Điều 12 và Điều 14 Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 06/12/2000 của Chính phủ và Phần IV Thông tư số 64/2001/TT-BTC ngày 10/8/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

Điều 6. Chậm nhất sau 30 ngày hoàn tất việc bán tài sản, bán doanh nghiệp, bán cổ phần và chia cổ tức, các doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu và Ban thanh lý doanh

nghiệp (đối với doanh nghiệp bị giải thể, phá sản) có trách nhiệm nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu của Nhà nước về Quỹ sắp xếp doanh nghiệp cùng cấp như quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy chế này. Mọi khoản chậm nộp sau thời hạn trên đều phải tính thêm lãi suất (tương đương với lãi suất vay Ngân hàng Thương mại).

Điều 7. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm:

1. Kiểm tra các khoản chi phí cho việc chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý và xác định số tiền doanh nghiệp phải nộp về Quỹ.

2. Đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sở hữu, Ban thanh lý tài sản và Hội đồng giải thể doanh nghiệp thuộc Bộ, địa phương, Tổng công ty quản lý, nộp đầy đủ, kịp thời tiền thu từ hoạt động sắp xếp, chuyển đổi sở hữu về Quỹ như quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

3. Chỉ đạo người trực tiếp quản lý phần vốn của Nhà nước góp tại các công ty cổ phần kiểm tra, đôn đốc việc phân phối và trích chuyển kịp thời các khoản thu nhập được chia vào tài khoản của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp cùng cấp theo quy định của Quy chế này.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ CỦA QUỸ

A. HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT LAO ĐỘNG ĐÔI DƯ

Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp, chuyển đổi thanh toán trợ cấp theo quy định tại Bộ Luật Lao động cho người lao động bị mất việc, thôi việc không thuộc đối tượng hưởng chính sách lao động đôi dư quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ. Cụ thể:

1. Đối với lao động tự nguyện thôi việc và lao động được tuyển dụng sau ngày 21/4/1998 bị mất việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm chuyển đổi sở hữu và trong 12 tháng sau doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sở hữu chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp thì được Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ toàn bộ phần kinh phí còn thiếu để giải quyết trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động (sau khi doanh nghiệp đã sử dụng hết số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, được trích lập đầy đủ theo chế độ).

Mức hỗ trợ từ Quỹ được xác định trên cơ sở:

- Tổng mức trợ cấp cho người lao động được xác định theo quy định tại Điều 17 và Điều 42 của Bộ Luật Lao động.

- Khả năng tự thanh toán từ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp.

Hoạt động hỗ trợ của Quỹ cho các doanh nghiệp để thanh toán trợ cấp đối với người lao động thuộc hai loại đối tượng dưới đây:

- Trợ cấp đối với người lao động bị mất việc, thôi việc tại thời điểm doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi;

- Trợ cấp đối với người lao động bị mất việc, thôi việc trong 12 tháng sau khi doanh nghiệp nhà nước chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Thời hạn để Quỹ tiếp nhận hồ sơ và thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp để thanh toán trợ cấp cho đối tượng này là không quá 03 tháng kể từ ngày kết thúc 12 tháng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Đối với lao động (có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm sắp xếp, chuyển đổi sở hữu) bị mất việc, thôi việc trong thời gian từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 kể từ khi doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sở hữu chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp) thì doanh nghiệp chịu trách nhiệm thanh toán 50% tổng

01624009
 Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
 LawSoft

mức trợ cấp và được Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ 50% tổng mức trợ cấp được xác định theo mức quy định tại Điều 17 và Điều 42 của Bộ Luật Lao động.

Hoạt động hỗ trợ của Quỹ cho mỗi doanh nghiệp để thanh toán trợ cấp cho người lao động thuộc đối tượng này được thực hiện mỗi năm một lần.

3. Đối với người lao động trong doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện chuyển đổi theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP và Nghị định số 103/1999/NĐ-CP bị mất việc, thôi việc trước thời điểm Nghị định số 64/2002/NĐ-CP có hiệu lực thì doanh nghiệp được Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí để thanh toán cho thời gian người lao động đã làm việc cho khu vực nhà nước nhưng chưa được hưởng trợ cấp theo mức quy định tại Điều 17 và Điều 42 của Bộ Luật Lao động.

Hoạt động hỗ trợ của Quỹ cho các doanh nghiệp để thanh toán trợ cấp cho người lao động thuộc đối tượng này được thực hiện có thời hạn và chấm dứt sự hỗ trợ vào ngày 31 tháng 12 năm 2003.

Điều 9. Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lại lao động dôi dư tại thời điểm chuyển đổi để bố trí việc làm mới trong công ty cổ phần. Thời gian đào tạo lại không quá 6 tháng; Mức hỗ trợ được căn cứ vào hợp đồng đào tạo đã ký kết nhưng tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

B. HỖ TRỢ VÀ ĐẦU TƯ VỐN CHO DOANH NGHIỆP

Điều 10. Bổ sung vốn cho doanh nghiệp đã cổ phần hóa để đảm bảo đủ tỷ trọng vốn nhà nước trong cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.

1. Trường hợp đến thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có phát sinh chênh lệch giảm giá trị phần vốn nhà

nước thì doanh nghiệp được Quỹ sắp xếp doanh nghiệp cùng cấp bổ sung vốn để đảm bảo tỷ lệ phần vốn nhà nước cần thiết nắm giữ.

Mức vốn bổ sung tối đa không vượt quá phần thu từ bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và được căn cứ vào:

- Cơ cấu vốn điều lệ được xác định trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Phương án cổ phần hóa và quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Các khoản bồi thường vật chất (nếu có).

2. Trường hợp doanh nghiệp đã chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, có phương án phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; nếu cơ quan đại diện sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp xét thấy cần duy trì tỷ trọng vốn cổ phần của Nhà nước trong công ty thì sử dụng Quỹ sắp xếp doanh nghiệp cùng cấp bổ sung vốn góp cổ phần.

Mức vốn bổ sung được căn cứ vào phương án phát hành cổ phiếu của công ty cổ phần, tỷ trọng vốn nhà nước cần duy trì và phương án bổ sung vốn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước để xử lý nợ vay quá hạn và nợ bảo hiểm xã hội trước khi chuyển đổi.

1. Đối tượng được Quỹ hỗ trợ vốn để xử lý các khoản nợ trên là các doanh nghiệp:

- Nằm trong kế hoạch sắp xếp chuyển đổi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang thực hiện phương án chuyển đổi.

- Khả năng thanh toán có khó khăn do kinh doanh thua lỗ.

2. Mức hỗ trợ từ Quỹ đối với các doanh nghiệp này được xác định trên cơ sở:

- Phương án cơ cấu lại nợ trước khi thực hiện chuyển đổi của doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổng số nợ bảo hiểm xã hội và nợ vay quá hạn đến thời điểm thanh toán.

- Khả năng thanh toán thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Đảm bảo vốn nhà nước tối đa không vượt quá 50% tổng vốn kinh doanh.

Điều 12. Hỗ trợ thanh toán nợ của các doanh nghiệp nhà nước áp dụng hình thức bán:

1. Đối tượng được Quỹ hỗ trợ là các doanh nghiệp nhà nước thực hiện bán theo Nghị định số 103/1999/NĐ-CP và Nghị định số 49/2002/NĐ-CP để thanh toán các khoản nợ trong trường hợp người mua không kế thừa nợ của doanh nghiệp.

2. Mức hỗ trợ từ Quỹ đối với trường hợp này được xác định trên cơ sở:

- Kết quả bán doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công bố.

- Kết quả thanh lý nhượng bán những tài sản và thu hồi công nợ....

- Phương án hỗ trợ thanh toán nợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh và phát triển doanh nghiệp.

1. Đối tượng được Quỹ hỗ trợ vốn đầu tư là các doanh nghiệp thuộc đối tượng nhà nước cần thiết duy trì 100% vốn, có phương án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ được xác định trên cơ sở:

- Nhu cầu vốn đầu tư theo dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Khả năng cân đối từ các nguồn vốn đầu tư

(bao gồm cả Quỹ đầu tư phát triển và khấu hao cơ bản đã trích nhưng chưa sử dụng) để đáp ứng yêu cầu đầu tư.

- Khả năng cân đối của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp.

IV. THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ

Điều 14. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng được Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ chủ động xây dựng phương án và lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và gửi cơ quan quản lý Quỹ để thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ:

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ giải quyết lao động dôi dư bao gồm:

- Công văn của doanh nghiệp đề nghị Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ giải quyết lao động dôi dư.

- Phương án hỗ trợ để giải quyết chính sách cho người lao động, đào tạo lại (kèm theo danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, danh sách người lao động được hưởng trợ cấp và được đào tạo lại) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm thực hiện sắp xếp lại.

- Quyết định thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu của cơ quan có thẩm quyền và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu.

- Hợp đồng đào tạo giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo.

2. Hồ sơ đề nghị Quỹ hỗ trợ cơ cấu nợ và bổ sung vốn cho doanh nghiệp:

- Công văn của doanh nghiệp đề nghị Quỹ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ vốn hoặc bổ sung vốn.

- Phương án đầu tư, đổi mới công nghệ; phương án cơ cấu lại nợ trước khi chuyển đổi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, cổ phần hóa và bán doanh nghiệp.

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về phương án phát hành cổ phiếu.

- Phương án hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm thực hiện sắp xếp lại.

- Báo cáo kết quả thanh lý, nhượng bán tài sản được loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp và thu hồi công nợ mà người mua doanh nghiệp không kế thừa.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và hợp lệ trong việc lập hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt phương án đúng theo quy định hiện hành.

Điều 16. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp theo phương án được duyệt. Trong đó, việc hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước để thực hiện phương án đầu tư, đổi mới công nghệ và bổ sung vốn để đảm bảo tỷ trọng vốn nhà nước trong các công ty cổ phần được Quỹ sắp xếp doanh nghiệp thực hiện theo tiến độ triển khai dự án.

Trường hợp hồ sơ không đảm bảo các yêu cầu theo quy định hoặc có sai sót về số liệu tính toán thì cơ quan quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án hỗ trợ và doanh nghiệp biết để hoàn chỉnh.

Điều 17. Các doanh nghiệp được tiếp nhận hỗ trợ từ Quỹ sắp xếp doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng theo phương án đã được phê duyệt và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Quỹ.

Mọi trường hợp sử dụng vốn sai mục đích, không đúng đối tượng đều bị thu hồi. Đồng thời, tùy theo mức độ vi phạm Giám đốc doanh nghiệp và những người có liên quan phải bồi thường vật chất hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi hoàn thành việc chi trả trợ cấp mất việc, thôi việc, sau khi kết thúc chương trình đào tạo lại và hoàn thành các phương án đầu tư, phát hành cổ phiếu doanh nghiệp phải lập báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ gửi về cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án hỗ trợ (là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Hội đồng quản trị các Tổng công ty) và gửi về:

- Cục Tài chính doanh nghiệp (cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương).

- Sở Tài chính vật giá các tỉnh, thành phố (cơ quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp địa phương).

- Ban Tài chính kế toán hoặc Phòng Tài chính kế toán của các Tổng công ty nhà nước (cơ quan giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các Tổng công ty nhà nước).

Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ gồm các tài liệu sau:

- Báo cáo tổng hợp sử dụng kinh phí cấp từ Quỹ sắp xếp doanh nghiệp trong đó chi tiết theo từng nội dung hỗ trợ, số tiền thừa và lý do.

- Chứng từ thanh toán trợ cấp cho người lao

động, đào tạo lại (có xác nhận của người được hưởng trợ cấp và cơ sở đào tạo), quyết toán kinh phí hỗ trợ.

- Chứng từ thanh toán và biên bản đối chiếu xác nhận nợ (đối với các khoản nợ được cơ cấu lại).

- Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sau khi điều chỉnh vốn điều lệ).

V. KẾ HOẠCH THU CHI QUỸ

Điều 19. Kế hoạch thu chi Quỹ sắp xếp doanh nghiệp:

1. Hàng năm, cùng với thời gian lập kế hoạch ngân sách, căn cứ vào kế hoạch sắp xếp và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các Tổng công ty nhà nước chỉ đạo Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp xây dựng kế hoạch thu và dự kiến các khoản chi từ Quỹ sắp xếp doanh nghiệp gửi về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ. Thời gian gửi kế hoạch chậm nhất là ngày 25 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Căn cứ vào tình hình thu và sử dụng Quỹ trong năm báo cáo, kế hoạch sắp xếp và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp của các Bộ, các địa phương, các Tổng công ty và kế hoạch thu chi của các Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp, Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính thẩm định, tổng hợp và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính kế hoạch sử dụng Quỹ trong phạm vi toàn quốc.

Điều 20. Điều hòa Quỹ:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có quyền điều hòa

nguồn vốn giữa các Quỹ sắp xếp doanh nghiệp ở địa phương, ở Tổng công ty nhà nước khi xét thấy cần thiết sau khi trao đổi với cơ quan quản lý Quỹ có liên quan.

2. Điều kiện thực hiện điều hòa Quỹ:

a) Các Quỹ thuộc đối tượng được điều chuyển nguồn vốn là:

- Có nguồn thu lớn.

- Trong năm kế hoạch nhu cầu chi nhỏ hơn số thu hoặc tạm thời chưa có nhu cầu sử dụng.

- Việc điều chuyển nguồn vốn không gây ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp trong kỳ.

b) Các Quỹ thuộc đối tượng được tiếp nhận:

- Có nguồn thu nhỏ.

- Nhu cầu chi hỗ trợ cho hoạt động sắp xếp và chuyển đổi doanh nghiệp trong năm lớn hơn nguồn thu.

- Nhu cầu điều hòa phải được thể hiện trong kế hoạch thu chi Quỹ được gửi về Bộ Tài chính đúng thời hạn quy định.

3. Căn cứ vào quyết định điều động của Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, cơ quan quản lý Quỹ bị điều động phải làm thủ tục để chuyển tiền từ Quỹ về tài khoản của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

Định kỳ hoặc đột xuất, cơ quan quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thực hiện kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp được hỗ trợ.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO - KẾ TOÁN

Điều 21. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp có trách nhiệm mở sổ sách kế toán, hạch toán đầy

dù mọi khoản thu - chi và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo đúng chế độ quy định của Nhà nước.

Năm tài chính của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động đến ngày kết thúc năm.

Điều 22. Định kỳ hàng quý cơ quan quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp có trách nhiệm lập và gửi báo cáo tình hình quản lý và sử dụng Quỹ sắp xếp doanh nghiệp (theo Phụ lục số....) cho Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) để theo dõi.

Riêng báo cáo tình hình quản lý và sử dụng Quỹ của các Tổng công ty nhà nước còn được gửi về Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ quản lý ngành để theo dõi.

Điều 23. Kết thúc năm tài chính trong phạm vi 45 ngày, cơ quan quản lý Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp phải gửi báo cáo quyết toán Quỹ về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã công bố. Báo cáo quyết toán Quỹ phải phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình Quỹ ở thời điểm lập báo cáo; tình hình thu chi và những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý Quỹ như: các khoản chưa thu được hoặc chưa chi; các khoản chi vượt hoặc chưa có nguồn thanh toán... kèm theo xác nhận số dư Quỹ của Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng nơi Quỹ mở tài khoản.

Trên cơ sở báo cáo quyết toán tài chính của các Quỹ, Cục Tài chính doanh nghiệp tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính.

VII. KIỂM TRA - QUYẾT TOÁN QUỸ

Điều 24. Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

Căn cứ vào báo cáo quyết toán năm, trong phạm vi 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán Quỹ, Cục Tài chính doanh nghiệp có trách nhiệm lập kế hoạch và thông báo lịch kiểm tra báo cáo quyết toán đến Quỹ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tổng công ty nhà nước và một số quỹ địa phương khi cần thiết.

Kết quả kiểm tra quyết toán Quỹ được thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các Tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Điều 26. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính:

1. Cục Tài chính doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Đối với hệ thống Quỹ sắp xếp doanh nghiệp:

- Giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp trong phạm vi cả nước.

- Tổng hợp kế hoạch và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phương án điều hòa nguồn Quỹ; thực hiện việc điều hòa theo phương án được Bộ phê duyệt.

- Tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính tình hình quản lý và sử dụng Quỹ.

- Kiểm tra, tổng hợp báo cáo Quyết toán thu - chi Quỹ sắp xếp doanh nghiệp báo cáo Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

b) Đối với Quỹ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương: Giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính trực tiếp quản

lý và điều hành Quỹ sắp xếp doanh nghiệp trung ương theo quy định của Quy chế này.

2. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm:

- Hướng dẫn việc mở Tài khoản Quỹ sắp xếp doanh nghiệp.
- Làm thủ tục chuyển kinh phí hỗ trợ từ Quỹ cho doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
- Thực hiện kiểm soát việc sử dụng kinh phí theo đúng quyết định duyệt cấp kinh phí từ Quỹ sắp xếp doanh nghiệp.
- Phối hợp với Cục Tài chính doanh nghiệp thực hiện việc điều hòa nguồn Quỹ theo phương án được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

3. Vụ Chế độ kế toán có trách nhiệm:

Hướng dẫn hạch toán việc nhận, sử dụng kinh phí hỗ trợ tại các doanh nghiệp và kế toán Quỹ sắp xếp doanh nghiệp các cấp.

Điều 27. Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý và điều hành Quỹ sắp xếp doanh nghiệp địa phương theo quy định tại Quy chế này.

IX. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Những hành vi vi phạm các điều khoản quy định trong Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng nhà nước số 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26/5/2003 ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10, Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12/6/1999;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này